

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

**TK KHẤU TRỪ THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN MẪU 05/KK-TNCN (TT80/2021)**

*(Áp dụng cho tổ chức, cá nhân trả các khoản thu nhập từ tiền lương, tiền công)*

[01] Kỳ tính thuế: Tháng 12 năm 2025

[02] Lần đầu: [ ] [03] Bổ sung lần thứ: [3]

[04] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ NGỌC THƠM

[05] Mã số thuế: 0309391503

[06] Địa chỉ: 12/14/18 Đường 49, Khu phố 7

[07] Xã/phường/đặc khu: Phường Hiệp Bình

[09] Điện thoại:

[08] Tỉnh/Thành phố: Thành phố Hồ Chí Minh

[10] Fax:

[11] E-mail:

[12] Tên đại lý thuế (nếu có):

[13] Mã số thuế:

[14] Hợp đồng đại lý thuế: Số

Ngày:

[15] Phân bổ thuế do có đơn vị hạch toán phụ thuộc tại địa bàn cấp tỉnh khác nơi có trụ sở chính: [ ]

*Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam*

| STT | Chỉ tiêu                                                                                                                                                                                        | Mã chỉ tiêu | Đơn vị tính | Số người/Số tiền |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|-------------|------------------|
| 1   | <b>Tổng số người lao động:</b>                                                                                                                                                                  | [16]        | Người       | 0                |
|     | Trong đó: Cá nhân cư trú có hợp đồng lao động                                                                                                                                                   | [17]        | Người       | 0                |
| 2   | <b>Tổng số cá nhân đã khấu trừ thuế [18]=[19]+[20]</b>                                                                                                                                          | [18]        | Người       | 0                |
| 2.1 | Cá nhân cư trú                                                                                                                                                                                  | [19]        | Người       | 0                |
| 2.2 | Cá nhân không cư trú                                                                                                                                                                            | [20]        | Người       | 0                |
| 3   | <b>Tổng thu nhập chịu thuế (TNCT) trả cho cá nhân [21]=[22]+[23]</b>                                                                                                                            | [21]        | VNĐ         | 0                |
| 3.1 | Cá nhân cư trú                                                                                                                                                                                  | [22]        | VNĐ         | 0                |
| 3.2 | Cá nhân không cư trú                                                                                                                                                                            | [23]        | VNĐ         | 0                |
| 3.3 | Trong đó: Tổng thu nhập chịu thuế từ tiền phí mua bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm không bắt buộc khác của doanh nghiệp bảo hiểm không thành lập tại Việt Nam cho người lao động                     | [24]        | VNĐ         | 0                |
| 4   | <b>Trong đó tổng thu nhập chịu thuế được miễn theo quy định của Hợp đồng đầu khí</b>                                                                                                            | [25]        | VNĐ         | 0                |
| 4.1 | Thu nhập miễn thuế, thu nhập cá nhân theo nghị quyết                                                                                                                                            | [25.1]      | VNĐ         | 0                |
| 5   | <b>Tổng thu nhập chịu thuế trả cho cá nhân thuộc diện phải khấu trừ thuế [26]=[27]+[28]</b>                                                                                                     | [26]        | VNĐ         | 0                |
| 5.1 | Cá nhân cư trú                                                                                                                                                                                  | [27]        | VNĐ         | 0                |
| 5.2 | Cá nhân không cư trú                                                                                                                                                                            | [28]        | VNĐ         | 0                |
| 6   | <b>Tổng số thuế thu nhập cá nhân đã khấu trừ [29]=[30]+[31]</b>                                                                                                                                 | [29]        | VNĐ         | 0                |
| 6.1 | Cá nhân cư trú                                                                                                                                                                                  | [30]        | VNĐ         | 0                |
| 6.2 | Cá nhân không cư trú                                                                                                                                                                            | [31]        | VNĐ         | 0                |
| 6.3 | Trong đó: Tổng số thuế thu nhập cá nhân đã khấu trừ trên tiền phí mua bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm không bắt buộc khác của doanh nghiệp bảo hiểm không thành lập tại Việt Nam cho người lao động | [32]        | VNĐ         | 0                |

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./...

**NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ**

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

Ngày 14 tháng 04 năm 2026

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc  
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP  
THUẾ**

Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)

TRẦN THỊ THƠM

**Ghi chú:**

- Tờ khai này chỉ áp dụng đối với tổ chức, cá nhân phát sinh trả thu nhập từ tiền lương, tiền công cho cá nhân trong tháng/quý, không phân biệt có phát sinh khấu trừ thuế hay không phát sinh khấu trừ thuế.
- Kỳ khai thuế theo tháng áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trả thu nhập có tổng doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ của năm trước liền kề trên 50 tỷ đồng hoặc trường hợp tổ chức, cá nhân trả thu nhập lựa chọn khai thuế theo tháng.
- Kỳ khai thuế theo quý áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trả thu nhập có tổng doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ của năm trước liền kề từ 50 tỷ đồng trở xuống, bao gồm cả tổ chức, cá nhân trả thu nhập không phát sinh doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ.

 Ký điện tử bởi: **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ NGỌC THƠM**  
Ngày ký: 15/04/2026 11:57:12.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**  
-----  
**TỜ KHAI BỔ SUNG**

Mẫu số: **01/KHBS**  
( Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày  
29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính )

[01] Mẫu tờ khai: TK khấu trừ thuế thu nhập cá nhân Mẫu 05/KK-TNCN (TT80/2021)  
[02] Mã giao dịch điện tử: 10820260016130371  
[03] Kỳ tính thuế: Tháng 12 năm 2025  
[04] Bổ sung lần thứ: 3  
[05] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ NGỌC THƠM  
[06] Mã số thuế: 0309391503  
[07] Tên đại lý thuế (nếu có):  
[08] Mã số thuế:  
[09] Hợp đồng đại lý thuế: Số Ngày:

**A. Xác định tăng/giảm số thuế phải nộp và tiền chậm nộp, tăng/giảm số thuế được khấu trừ, tăng/giảm số thuế đề nghị hoàn:**

**I. Xác định tăng/giảm số thuế phải nộp và tiền chậm nộp:**

1. Số thuế phải nộp trên tờ khai điều chỉnh tăng/giảm:

*Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam*

| STT                    | Tên Tiểu mục                                  | Tăng/giảm số thuế phải nộp (tăng ghi (+), giảm ghi (-)) |
|------------------------|-----------------------------------------------|---------------------------------------------------------|
| (1)                    | (2)                                           | (3)                                                     |
| 1                      | 1001 - Thuế thu nhập từ tiền lương, tiền công | (3.215.385)                                             |
| <b>Tổng cộng: [10]</b> |                                               | <b>(3.215.385)</b>                                      |

2. Số thuế phải nộp trên Phụ lục phân bổ điều chỉnh tăng/giảm:

*Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam*

| STT                    | Tên (đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh/tên mặt hàng/tỉnh nơi không có đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh/đơn vị tiêu thụ/cơ sở khai thác) | Mã số thuế/mã số địa điểm kinh doanh (nếu có) | Địa bàn hoạt động sản xuất, kinh doanh |      | Cơ quan thuế quản lý địa bàn nhận phân bổ | Số tiền thuế phải nộp điều chỉnh tăng/ giảm (tăng ghi (+), giảm ghi (-)) |
|------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|----------------------------------------|------|-------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|
|                        |                                                                                                                                                 |                                               | Xã/phường/đặc khu                      | Tỉnh |                                           |                                                                          |
| (1)                    | (2)                                                                                                                                             | (3)                                           | (4)                                    | (5)  | (6)                                       | (7)                                                                      |
| 1                      |                                                                                                                                                 |                                               |                                        |      |                                           |                                                                          |
|                        | -                                                                                                                                               |                                               |                                        |      |                                           | 0                                                                        |
| <b>Tổng cộng: [11]</b> |                                                                                                                                                 |                                               |                                        |      |                                           | <b>0</b>                                                                 |

3. Xác định số tiền chậm nộp điều chỉnh tăng/giảm (tăng ghi (+), giảm ghi (-)):

- a) Số ngày chậm nộp tính đến ngày 14/04/2026: 84  
b) Số tiền chậm nộp tăng/giảm: (81.028)

**II. Số thuế được khấu trừ điều chỉnh tăng/giảm:**

| STT | Tên Tiêu mục           | Tăng/giảm số thuế khấu trừ (tăng ghi (+), giảm ghi (-)) |
|-----|------------------------|---------------------------------------------------------|
| (1) | (2)                    | (3)                                                     |
| 1   | -                      | 0                                                       |
|     | <b>Tổng cộng: [12]</b> | <b>0</b>                                                |

III. Số thuế đề nghị hoàn điều chỉnh tăng/giảm:

| STT | Tên Tiêu mục           | Tăng/giảm số thuế đề nghị hoàn (tăng ghi (+), giảm ghi (-)) |
|-----|------------------------|-------------------------------------------------------------|
| (1) | (2)                    | (3)                                                         |
| 1   | -                      | 0                                                           |
|     | <b>Tổng cộng: [13]</b> | <b>0</b>                                                    |

B. Số thuế thu hồi hoàn và tiền chậm nộp (nếu có):

I. Số thuế thu hồi hoàn:

- 1. Số tiền thu hồi hoàn: 0: Đồng Việt Nam.
- 2. Quyết định hoàn thuế: Số ngày cơ quan thuế ban hành quyết định
- 3. Lệnh hoàn thuế: Số ngày

II. Tiền chậm nộp:

- 1. Số ngày nhận được tiền hoàn thuế: 0
- 2. Số tiền chậm nộp (= số tiền đã được hoàn phải nộp trả NSNN x số ngày nhận được tiền hoàn thuế x mức chậm nộp): 0

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./...

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

Ngày 14 tháng 04 năm 2026

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc  
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ  
Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)

TRẦN THỊ THƠM

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập-Tự do-Hạnh phúc****BẢN GIẢI TRÌNH KHAI BỔ SUNG**  
(Kèm theo Tờ khai bổ sung mẫu số 01/KHBS)Mẫu số: **01-1/KHBS**(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày  
29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)**[01]** Mẫu tờ khai: TK khấu trừ thuế thu nhập cá nhân Mẫu 05/KK-TNCN (TT80/2021)**[02]** Mã giao dịch điện tử: 10820260016130371**[03]** Kỳ tính thuế: Tháng 12 năm 2025**[04]** Bổ sung lần thứ: 3**[05]** Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ NGỌC THƠM**[06]** Mã số thuế: 0309391503**A. Thông tin khai bổ sung:**

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

| STT | Tên chỉ tiêu điều chỉnh/ Tên hàng hóa, dịch vụ | Mã số chỉ tiêu                                                                              | Số đã kê khai | Số điều chỉnh | Chênh lệch/thay đổi giữa số điều chỉnh với số đã kê khai | Điều chỉnh tăng/giảm nghĩa vụ thuế | Lý do    |
|-----|------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|---------------|----------------------------------------------------------|------------------------------------|----------|
| (1) | (2)                                            | (3)                                                                                         | (4)           | (5)           | (6)=(5)-(4)                                              | (7)                                | (8)      |
| 1   | 05/KK-TNCN                                     |                                                                                             |               |               |                                                          |                                    |          |
|     |                                                | [16] - Tổng số người lao động                                                               | 50            | 0             | (50)                                                     | 0                                  |          |
|     |                                                | [17] - Cá nhân cư trú có hợp đồng lao động-Tổng số người lao động                           | 50            | 0             | (50)                                                     | 0                                  |          |
|     |                                                | [18] - Tổng số cá nhân đã khấu trừ thuế [18]=[19]+[20]                                      | 30            | 0             | (30)                                                     | 0                                  |          |
|     |                                                | [19] - Cá nhân cư trú đã khấu trừ thuế                                                      | 30            | 0             | (30)                                                     | 0                                  |          |
|     |                                                | [21] - Tổng thu nhập chịu thuế trả cho cá nhân [21]=[22]+[23]                               | 800307711     | 0             | (800.307.711)                                            | 0                                  |          |
|     |                                                | [22] - Thu nhập chịu thuế trả cho cá nhân cư trú                                            | 800307711     | 0             | (800.307.711)                                            | 0                                  |          |
|     |                                                | [26] - Tổng thu nhập chịu thuế trả cho cá nhân thuộc diện phải khấu trừ thuế [26]=[27]+[28] | 553199962     | 0             | (553.199.962)                                            | 0                                  |          |
|     |                                                | [27] - Thu nhập chịu thuế trả cho cá nhân cư trú thuộc diện phải khấu trừ thuế              | 553199962     | 0             | (553.199.962)                                            | 0                                  |          |
|     |                                                | [29] - Tổng số thuế thu nhập cá nhân đã khấu trừ [29]=[30]+[31]                             | 3215385       | 0             | (3.215.385)                                              | (3.215.385)                        |          |
|     |                                                | [30] - Số thuế thu nhập cá nhân cư trú đã khấu trừ                                          | 3215385       | 0             | (3.215.385)                                              | 0                                  |          |
|     | <b>Tổng cộng (tăng +, giảm -) phải nộp:</b>    |                                                                                             |               |               | <b>[07]</b>                                              | <b>(3.215.385)</b>                 | <b>\</b> |
|     | <b>Tổng cộng (tăng +, giảm -) khấu trừ:</b>    |                                                                                             |               |               | <b>[08]</b>                                              | <b>0</b>                           | <b>\</b> |

|  |                                          |      |   |   |
|--|------------------------------------------|------|---|---|
|  | Tổng cộng (tăng +, giảm -) đề nghị hoàn: | [09] | 0 | \ |
|--|------------------------------------------|------|---|---|

B. Tài liệu kèm theo (nếu có):

| STT | Tên chỉ tiêu điều chỉnh/ Tên hàng hóa, dịch vụ |
|-----|------------------------------------------------|
| 1   |                                                |

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./...

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

Ngày 14 tháng 04 năm 2026

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc  
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ  
*Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)*

TRẦN THỊ THƠM

 Ký điện tử bởi: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ NGỌC THƠM  
Ngày ký: 15/04/2026 11:57:12.